

XÃ HỘI HOÁ (XÃ HỘI) - MỘT HƯỚNG NGHIÊN CỨU CẦN CHÚ TRỌNG TRONG XÃ HỘI HỌC LÝ THUYẾT VÀ THỰC NGHIỆM Ở VIỆT NAM

TRẦN MINH CHIẾN*

Nhiều nhà xã hội học khẳng định rằng “xã hội hoá” là một đối tượng nghiên cứu, một phạm trù cơ bản của xã hội học. Thực ra, nếu nội dung chủ yếu của khái niệm này là xã hội hoá (cá nhân) thì điều khẳng định đó phải thuộc về các nhà tâm lý học và các nhà giáo dục học. Một số tác giả hiểu sâu sắc nội dung này đến mức cho rằng chỉ tồn tại khái niệm xã hội hoá (cá nhân) mà không có khái niệm xã hội hoá nào khác. Trong khi đó, quá trình đổi mới kinh tế đã mở ra xu hướng xã hội hoá nhiều lĩnh vực hoạt động như y tế, giáo dục, thể thao để cải thiện đời sống của các tầng lớp nhân dân. Trong thực tiễn, xã hội hoá đã trở thành một chủ trương, một phương châm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đối với các quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, huy động được các nguồn lực của toàn xã hội vào xoá đói giảm nghèo, tiến đến dân giàu nước mạnh, nâng cao công bằng xã hội và bình đẳng giới tiến. Nhưng do quá quen thuộc với khái niệm xã hội hoá (cá nhân), chúng ta vẫn chưa mạnh dạn nghiên cứu một cách khoa học về nội dung xã hội của xã hội hoá. Trước tình hình đó, nghiên cứu này đặt ra với hy vọng cùng nhau trao đổi và bước đầu làm rõ quá trình hình thành và phát triển hai mặt của nội dung khái niệm xã hội hoá. Trong đó, mặt xã hội hoá (cá nhân) chủ yếu được nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tâm lý và mặt xã hội hoá (xã hội) chủ yếu được nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội học mà người đặt nền móng là Mác, Ăngghen, Lênin và Weber. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng, nhu cầu về sự phân công lao động trong các khoa học đã trở nên cấp bách, đó là xã hội học cần tập trung vào nghiên cứu cả nội dung xã hội hoá (cá nhân) và nội dung xã hội hoá (xã hội). Nhờ sự chuyên môn hoá nghiên cứu như vậy mà xu hướng liên ngành và hợp tác trong khoa học sẽ càng được thúc đẩy và mở rộng.

*Ths. Học viện Chính trị Quân sự.

Một số quan niệm cơ bản về xã hội hoá trong tâm lý học và xã hội học ở Việt Nam

Về mặt thiết chế khoa học, ở Việt Nam, Viện Xã hội học mới kỷ niệm 20 năm thành lập (1983-2003), Viện Xã hội học và Tâm lý lãnh đạo, quản lý mới kỷ niệm 15 năm thành lập (1990-2005). Đây là hai cơ quan nghiên cứu và đào tạo xã hội học có thể nói là “lâu đời” nhất của Việt Nam. Trong khi đó, Khoa Tâm lý học của trường Đại học sư phạm I Hà Nội đã kỷ niệm 45 năm thành lập. Điều đó chứng tỏ rằng ở Việt Nam tâm lý học phát triển sớm hơn nhiều xã hội học. Có thể tìm thấy ở sự kiện này lời giải thích cho một thực tế là các quan niệm xã hội học về xã hội hoá chủ yếu đã bị ảnh hưởng từ phía tâm lý học. Không chỉ xã hội học Việt Nam mà cả xã hội học của Liên Xô, các nước Đông Âu và các nước Tây Âu cũng bị ảnh hưởng bởi tâm lý học ít nhất là về cách định nghĩa khái niệm xã hội hoá.

Một số định nghĩa về xã hội hoá trong tâm lý học và giáo dục học

“Xã hội hoá là quá trình cá nhân hoà nhập vào xã hội hay vào một trong các nhóm của họ thông qua quá trình học các chuẩn mực và giá trị của từng nhóm và xã hội”⁽¹⁾. (1968)

“Xã hội hoá là sự phát triển nhân cách dựa trên sự tương tác của cá nhân với môi trường vật chất và xã hội đặc thù”⁽²⁾. (1989)

“Quá trình xã hội hoá được hiểu chung như là một quá trình biện chứng, trong đó mỗi người, với tư cách là thành viên của xã hội, trở nên có năng lực hành động trong xã hội đó và mặt khác, thông qua quá trình này, duy trì và tái sản xuất xã hội”⁽³⁾. (1994)

“Xã hội hoá là quá trình học tập suốt đời của cá nhân. Trong đó, cá nhân với tư cách là chủ thể hành động không chỉ tiếp thu mà còn làm phong phú thêm các quan hệ xã hội, các giá trị vật chất và tinh thần dưới hình thức cá nhân”⁽⁴⁾. (1969)

“Xã hội hoá là quá trình một đứa trẻ từ lúc sinh ra là một sinh vật, dần dần trở thành một con người, thành viên của một nền văn hoá xã hội nhất định. Xã hội hoá có hai mặt:

- Tiếp nhận cả một loạt cách làm, cách nghĩ, kiến thức, nghiệp vụ, nghệ thuật.
- Ép mình vào khuôn nếp của xã hội theo những tục lệ, pháp luật, tín ngưỡng, đạo lý nhất định”⁽⁵⁾. (2001)

Một số định nghĩa về xã hội hoá trong xã hội học ở Việt Nam

Không phải tất cả các cuốn sách xã hội học ở Việt Nam đều nói đến xã hội hoá. Nhưng hầu như tất cả các cuốn xã hội học đại cương và nhập môn xã hội học hay đơn giản sách có một tên chung là “Xã hội học” đều nói đến xã hội hoá. Đó là do các tác giả đều cho rằng đây là một trong những khái niệm cơ bản của xã hội học.

Trong 95 cuốn sách mà tác giả bài viết này đã thu thập được (bằng tiếng Việt, ở Việt Nam), có 75 cuốn sách do tác giả Việt Nam viết, 20 cuốn sách do tác giả

nước ngoài viết. Trong đó cuốn sớm nhất tìm được ở Việt Nam xuất bản năm 1962 và cuốn xuất bản mới nhất là 2007. Thực tế cho thấy sách có nội dung xã hội hoá chỉ chiếm khoảng hơn 1/3 (38/95), tập trung phần lớn trong các cuốn sách xã hội học đại cương và nhập môn xã hội học (Không có sách xã hội học chuyên về xã hội hoá). Dưới đây trích dẫn một số định nghĩa tiêu biểu về xã hội hoá ở trong các sách xã hội học Việt Nam.

Quan niệm sinh học xã hội “Xã hội hoá là một diễn tiến tiếp tục nơi cá nhân đang thích ứng với những người xung quanh”(1973)⁽⁶⁾. “... quá trình làm chuyển biến con người, từ con người sinh vật trở thành con người xã hội, mang những đặc trưng của xã hội, đóng được những vai trò xã hội. Đó là quá trình xã hội hoá cá nhân” (1997)⁽⁷⁾.

Quan niệm vị thế - vai trò (1997): “Xã hội hoá là quá trình mà trong đó cá nhân học cách thức hành động tương ứng với vai trò của mình”⁽⁸⁾.

Quan niệm tương tác: “Xã hội hoá là một quá trình tương tác giữa người này và người khác, kết quả là một sự chấp nhận những khuôn mẫu hành động, và thích nghi với những khuôn mẫu hành động đó” (1973)⁽⁹⁾. “Xã hội hoá là quá trình tương tác giữa cá nhân và xã hội (tập thể), trong đó cá nhân học hỏi và thực hành những tri thức, những kỹ năng và những phương thức cần thiết để hội nhập với xã hội”⁽¹⁰⁾ (?). “Xã hội hoá trước hết là quá trình tương tác giữa cá nhân và xã hội, qua đó cá nhân học hỏi, lĩnh hội, tiếp nhận nền văn hoá của xã hội như khuôn mẫu tác phong xã hội, chuẩn mực giá trị văn hoá xã hội để phù hợp với vai trò xã hội của mình, hoà nhập vào xã hội” (1997)⁽¹¹⁾. “Là quá trình tương tác giữa cá nhân và xã hội trong đó con người học hỏi các chuẩn mực, giá trị xã hội, nhập tâm mô hình văn hoá xã hội phù hợp với vị trí, vị thế, vai trò xã hội của mình để từng bước hoà nhập cộng đồng và tham gia vào đời sống xã hội” (2000)⁽¹²⁾.

Quan niệm giáo dục (1997): “Xã hội hoá là quá trình mà qua đó cá nhân học hỏi, lĩnh hội nền văn hoá của xã hội như khuôn mẫu xã hội. Quá trình mà nhờ nó, cá nhân đạt được những đặc trưng xã hội của bản thân, học được cách suy nghĩ và ứng xử phù hợp với vai trò xã hội của mình, hoà nhập vào xã hội”⁽¹³⁾. “Là một quá trình xã hội, trong đó các chủ thể xã hội thông qua các quan hệ xã hội, hệ thống xã hội, cơ cấu xã hội làm cho cá nhân thừa nhận, tiếp thu, thực thi các kinh nghiệm xã hội, giá trị xã hội, khuôn mẫu xã hội” (2001)⁽¹⁴⁾. “Xã hội hoá là quá trình thích ứng và cọ sát với các giá trị, chuẩn mực và hình mẫu hành vi xã hội mà trong quá trình đó một thành viên xã hội tiếp nhận và duy trì khả năng hoạt động xã hội” (2002)⁽¹⁵⁾. “Xã hội hoá, một mặt, như là đi vào văn hoá, mặt khác như là hình thành nhân cách xã hội hoặc là đi đến sự trưởng thành về mặt xã hội hay là uy tín xã hội” (2003)⁽¹⁶⁾.

Quan niệm triết học (1997): “Xã hội hoá là quá trình 2 mặt. Một mặt, cá nhân tiếp nhận kinh nghiệm xã hội bằng cách thâm nhập vào môi trường xã hội, vào hệ thống các quan hệ xã hội. Mặt khác, cá nhân tái sản xuất một cách chủ động hệ thống các mối quan hệ xã hội thông qua chính việc họ tham gia vào các hoạt động và thâm nhập vào các mối quan hệ xã hội”⁽¹⁷⁾.

Quan niệm văn hoá “Xã hội hoá là diễn tiến theo đó xã hội truyền văn hoá của mình từ một thế hệ qua thế hệ tiếp theo và làm cho cá nhân thích ứng bởi

những nếp sống sinh hoạt được chấp nhận và tán thành của một đời sống xã hội có tổ chức” (1973)⁽¹⁸⁾. “Quá trình quá độ mà chúng ta có thể tiếp nhận được nền văn hoá của xã hội mà trong đó chúng ta đã được sinh ra - quá trình mà nhờ nó chúng ta đạt được những đặc trưng xã hội của bản thân, học được cách suy nghĩ và ứng xử được coi là thích hợp trong xã hội của chúng ta - được gọi là quá trình xã hội hoá” (1993)⁽¹⁹⁾. “Xã hội hoá là quá trình mà qua đó cá nhân học hỏi, lĩnh hội nên văn hoá của xã hội như khuôn mẫu xã hội. Quá trình mà nhờ nó, cá nhân đạt được những đặc trưng xã hội của bản thân, học được cách suy nghĩ và ứng xử phù hợp với vai trò xã hội của mình, hoà nhập vào xã hội” (1997)⁽²⁰⁾. “Xã hội hoá là quá trình trong đó trước hết các giá trị chuẩn mực, và cả năng lực nhận thức cũng được nội tâm hoá, nghĩa là thấm sâu vào nhân cách của các cá nhân hành động” (1999)⁽²¹⁾. “Là quá trình quá độ, mà theo đó chúng ta có thể tiếp nhận được nền văn hoá của xã hội mà trong đó chúng ta được sinh ra, quá trình mà nhờ đó chúng ta đạt được những đặc trưng xã hội của bản thân, học được cách suy nghĩ và ứng xử hợp với xã hội của chúng ta” (2002)⁽²²⁾. “Xã hội hoá là quá trình qua đó kinh nghiệm xã hội cung cấp cho cá nhân những phẩm chất và năng lực mà chúng ta kết hợp với tình trạng con người hoàn toàn đối với xã hội nói chung, xã hội hoá là phương tiện dạy văn hoá cho mỗi thế hệ mới” (2004)⁽²³⁾.

Các định nghĩa có thể phân chia thành một số loại và trình bày tóm tắt trong bảng dưới đây:

STT	Loại quan niệm xã hội hoá	Tác giả chính	Từ khoá
1	Quan niệm khách quan và chủ quan	Fichter	Truyền văn hoá, thích ứng
2	Quan niệm xã hội và quan niệm cá nhân	Bloom và Zelnick	Truyền đạt, rập khung
3	Quan niệm hai mặt	Andreeva, Vũ Minh Tâm, Phạm Tất Dong-Lê Ngọc Hùng	Cá nhân, xã hội
4	Quan niệm tương tác luận	Fichter, Smelser, các tác giả Liên xô (cũ), Chung Á - Nguyễn Đình Tấn	Tương tác, vị thế, vai trò
5	Quan niệm văn hoá học	Tony Bilton, Bloom và Zelnick	Văn hoá
6	Quan niệm giáo dục học	Smelser, Phan Trọng Ngọ, Trần Kim Xuyên	Học tập, lĩnh hội

Nhưng tất cả các quan niệm nêu trên chủ yếu xoay quanh khái niệm xã hội hoá (cá nhân) và có thể gọi là quan niệm xã hội học - tâm lý học về xã hội hoá.

Chủ nghĩa Mác- Lênin nguồn gốc lý luận của xã hội hoá xã hội

Thuật ngữ “xã hội hoá” trong một số tác phẩm của Mác Ăngghen.

“Xã hội hoá” là một thuật ngữ mang nhiều hàm nghĩa và được sử dụng trong nhiều ngành khoa học khác nhau, từ kinh tế, triết học, tâm lý học, giáo dục học, đến xã hội học, với những ý nghĩa khác nhau. Trong phạm vi lý luận Mác xít, thông qua một số tuyển tập Mác - Ăngghen (như: Mác -Ăngghen tuyển tập, tập 3, 4, 5, 6..) thuật ngữ này bao hàm những quan niệm bắt đầu từ các quá trình đầu tiên của xã hội hoá tư bản, đó là: quá trình xã hội hoá sản xuất; quá trình xã hội hoá lao động; Xã hội hoá thị trường. . . và việc biến phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thành phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, phương thức trung gian giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản. Trong bộ Tuyển tập Mác-Ăngghen gồm 6 tập do nhà xuất bản Sự thật xuất bản bằng tiếng Việt năm 1983, chỉ từ tập 3 mới thấy Mác- Ăngghen sử dụng cụm từ “Xã hội hoá” để nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, về quá trình phát triển từ lao động cá thể sang lao động xã hội khi bàn về sự vận động và biến đổi phương thức sản xuất của xã hội.

Xã hội hoá lực lượng sản xuất

Mác - Ăngghen đã bắt đầu từ việc phân tích nền sản xuất vật chất của xã hội tư bản, phát hiện ra mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất xã hội với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Theo Ăngghen, trước nền sản xuất tư bản chủ nghĩa khắp nơi đều có nền sản xuất nhỏ, nền sản xuất này dựa trên cơ sở quyền tư hữu của những người lao động đối với những tư liệu sản xuất của họ, đó là những tư liệu lao động của các cá nhân chỉ nhằm cho việc sử dụng của cá nhân, do đó nó nhỏ bé, manh mún và thường thuộc về bản thân người sản xuất. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện, mà kẻ đại biểu cho nó là giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản đã biến những tư liệu sản xuất từ chỗ do cá nhân sử dụng thành những tư liệu sản xuất xã hội, chỉ có thể sử dụng bởi số đông người. Thay cho những lao động thủ công, phân tán, nhỏ lẻ là những lao động bằng máy móc, kỹ thuật diễn ra trong các công xưởng, nhà máy.

Rõ ràng quá trình sản xuất tự nó, theo quy luật tự nhiên của nó, đã dần được xã hội hoá và tính chất xã hội hoá của sản xuất được quy định bởi sự hoàn thiện công cụ lao động và quy mô của sản xuất. Chính quá trình này ngày càng làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong xã hội. Chủ nghĩa tư bản đã tỏ ra ưu việt hơn so với phong kiến trong việc kích thích nền sản xuất phát triển và ngày càng làm cho nó có tính xã hội cao.

Mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa biểu hiện ra thành sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Mâu thuẫn đó ngày càng nổ ra một cách dữ dội. Điều đó nói lên rằng một mặt, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tự thừa nhận là nó không còn đủ sức tiếp tục quản lý những lực lượng sản xuất đã được xã hội hoá ấy nữa. Mặt khác, bản thân những lực lượng sản xuất ấy, với một sức mạnh ngày càng tăng, cũng mong muốn đạt tới chỗ thủ tiêu mâu thuẫn ấy, đến chỗ tự giải thoát khỏi cái tính chất tư bản của chúng, đến chỗ thực tế thừa nhận tính chất của chúng là những lực lượng sản xuất xã hội:

Chế độ tài sản tư hữu có được bằng lao động của bản thân, có thể nói là dựa trên sự gắn liền người lao động cá thể, độc lập, với những điều kiện lao động của người đó, đã bị thay thế bằng chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa dựa trên sự bóc lột lao động của người khác, nhưng về hình thức là một lao động tự do. Một khi quá trình chuyển hoá đó đã làm tan rã xã hội cũ khá sâu và khá rộng, một khi những người lao động đã biến thành những người vô sản, còn điều kiện lao động của họ thì đã biến thành tư bản. Một khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đứng vững trên cơ sở bản thân nó rồi, thì khi đó việc tiếp tục xã hội hoá lao động, việc tiếp tục biến ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác thành những tư liệu sản xuất được khai thác theo kiểu xã hội, nghĩa là thành tư liệu sản xuất chung, và do đó việc tiếp tục tước đoạt những kẻ tư hữu sẽ mang một hình thức mới. Bây giờ kẻ cần phải bị tước đoạt không phải là người lao động kinh doanh độc lập nữa mà là nhà tư bản đang bóc lột một số đông công nhân⁽²⁴⁾.

Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất với tính chất xã hội hoá ngày càng cao, kết hợp với hình thức chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của chủ nghĩa nghĩa tư bản, đã làm đẩy nhanh sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản.

Bằng cách biến đại đa số ngày càng đông của dân cư thành vô sản, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra một lực lượng buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy nếu không thì bị tiêu vong. Bằng cách bắt phải biến ngày càng nhiều những tư liệu sản xuất lớn đã xã hội hoá thành sở hữu nhà nước. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tự nó đang chỉ ra con đường để hoàn thành cuộc cách mạng ấy. Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền nhà nước và biến các tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước⁽²⁵⁾.

Như vậy, xã hội hoá sản xuất theo quan niệm của Mác, Ăngghen chính là sự phát triển tính chất xã hội của sản xuất được quy định bởi sự hoàn thiện công cụ lao động, sự phát triển của lực lượng sản xuất và quy mô sản xuất. Trong tiến trình phát triển trình độ xã hội hoá sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản những tiền đề vật chất cho bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội sẽ được tạo ra. Đây là sự vận động tất yếu, khách quan của lịch sử xã hội loài người, là con đường, là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản.

Xã hội hóa lao động

Mác vạch rõ sự vận động tất yếu của quá trình xã hội hoá lao động trong nền sản xuất tư bản đã biến lao động cá thể thành lao động xã hội trên tất cả các phương diện từ công cụ lao động đến quá trình và sản phẩm lao động. Mác cho rằng giai cấp tư sản: Thay cho guồng quay sợi, khung cửi dệt tay, búa thợ rèn là máy xe sợi, máy dệt, búa chạy bằng hơi nước; thay cho xưởng thợ cá thể công xưởng đòi hỏi lao động chung của hàng trăm, hàng nghìn công nhân. Cũng như tư liệu sản xuất, bản thân sự sản xuất cũng biến đổi, từ chỗ là một loạt động tác cá nhân thành thành một loạt động tác xã hội và sản phẩm cũng từ sản phẩm cá nhân biến thành sản phẩm xã hội. Sợi, vải, hàng kim loại hiện nay do các công xưởng sản xuất ra, đều là sản phẩm chung của nhiều công nhân, tức là những sản phẩm phải tuần tự qua tay của họ thì mới hoàn thành. Về những sản phẩm ấy, không một cá nhân nào có thể nói được rằng: cái này là do tôi làm ra, đó là sản phẩm của tôi⁽²⁶⁾.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen không chỉ phân tích, làm rõ tính chất xã hội hoá của nền sản xuất tư bản, mà còn vạch ra nguyên nhân dẫn tới việc đẩy nhanh quá trình này (cả về mặt quy mô, tốc độ và tính chất).

Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, khai thác khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi. Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới⁽²⁷⁾.

Lao động lúc này đã thay đổi tính chất, đó là tính chất xã hội hoá của nó.

... một khi xã hội nắm lấy các tư liệu sản xuất và sử dụng những tư liệu đó để sản xuất dưới hình thức trực tiếp xã hội hoá; thì lao động của mỗi người, dù tính chất có ích đặc thù của lao động có khác nhau đến đâu chăng nữa, cũng ngay từ đầu và trực tiếp trở thành lao động xã hội⁽²⁸⁾.

Thuật ngữ “xã hội hoá” trong một số tác phẩm của Lênin.

Đóng góp của Lênin trong xã hội học hiện đại là việc bảo vệ và phát triển xã hội học duy vật biện chứng do Mác và Ăngghen khởi xướng xây dựng. Lênin không những tuyên truyền, phổ biến các quan điểm của Mác mà còn làm sáng tỏ nhiều điểm quan trọng của học thuyết Mác. Lênin vừa bảo vệ học thuyết Mác, vừa kế thừa, phát triển học thuyết Mác trong điều kiện giai cấp vô sản giành được chính quyền và bắt đầu xây dựng một xã hội mới không có áp bức, không có sự bóc lột của một thiểu số người này đối với đa số người khác. Một trong những nội dung cơ bản của học thuyết Mác được Lênin kế thừa và phát triển đó là vấn đề xã hội hoá lao động.

Các yếu tố của xã hội hoá lao động

Trong quá trình đấu tranh chống lại quan điểm của những người theo chủ nghĩa dân tuý (một trong những đại biểu tiêu biểu của nó là Mi-khai-lốp-xki), nhằm bảo vệ học thuyết Mác. Lênin đã tập trung vào làm rõ vấn đề xã hội hoá lao động bởi vì đó là vấn đề mà “*Mác cho là có một tầm quan trọng to lớn*”⁽²⁹⁾. Lênin chỉ rõ: xã hội hoá không phải chỉ là sự mở rộng quy mô, số lượng người tham gia vào quá trình sản xuất ở cùng một nơi, mà là sự biến đổi về chất dẫn đến sự tập trung, thống nhất của lao động xã hội.

Xã hội hoá lao động nghĩa là, ngày càng làm tăng thêm những mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa những ngành công nghiệp, những chủ tư bản và đặc biệt nó làm tăng thêm sự đoàn kết xã hội giữa những người sản xuất, “*Điều đó có nghĩa là mối liên hệ xã hội giữa những người sản xuất ngày càng được củng cố thêm, những người sản xuất kết thành một khối*”⁽³⁰⁾. Lênin cũng đã chỉ ra mối liên hệ phụ thuộc của quá trình xã hội hoá lao động vào trình độ phân công và chuyên môn hoá lao động sản xuất. Lênin viết:

Điều đó cũng có nghĩa rằng, tiến bộ kỹ thuật tất phải dẫn đến chỗ chuyên môn hoá và xã hội hoá các bộ phận sản xuất, và do đó đến chỗ tạo ra được một thị trường luôn thống nhất trong tính đa dạng và ngày càng được mở rộng thêm, đáp ứng được nhu cầu của toàn thể xã hội, hễ ở đâu và khi nào có phân công xã

hội và sản xuất hàng hoá thì ở đó và khi ấy, có thị trường. Quy mô của thị trường gắn chặt với trình độ chuyên môn hoá của lao động xã hội⁽³¹⁾

Không chỉ phân tích một cách sâu sắc các yếu tố của quá trình xã hội hoá lao động và vạch rõ mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá của tư liệu sản xuất với chế độ sở hữu tư nhân trong các tác phẩm đầu tay của mình (1893-1894), mà 24 năm sau, ngay sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công Lênin lại nhắc tới xã hội hoá trong tác phẩm *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô Viết* (1918). Trong tác phẩm đó lần đầu tiên, không chỉ nhắc tới xã hội hoá, Lênin còn vạch ra những biện pháp và phương pháp cụ thể của công cuộc cải tạo kinh tế theo Chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản. Kế hoạch của Lênin dự kiến xã hội hoá tư liệu sản xuất theo chủ nghĩa xã hội bằng cách áp dụng những biện pháp và phương pháp khác nhau, vừa chuộc lại những tư liệu sản xuất cơ bản, vừa sử dụng rộng rãi chủ nghĩa tư bản nhà nước để dần dần cải tạo chế độ tư hữu của các nhà tư bản hạng trung và hạng nhỏ thành sở hữu công cộng, bởi lẽ việc xã hội hoá tư liệu sản xuất theo chủ nghĩa xã hội, dưới bất cứ hình thức nào của nó, là một sự chuyển biến cách mạng nhằm xoá bỏ chế độ người bóc lột người.

Theo Lênin xã hội hoá không phải chỉ đơn thuần là việc tập trung tất cả tư liệu sản xuất vào một chỗ, vào nhà nước (nhà nước Công - nông) cho dù có làm được việc đó cũng mới chỉ là thành công bước đầu, mà điều quan trọng là sự tập trung đó phải nâng cao được chất lượng việc tổ chức quản lý sản xuất và tăng năng suất lao động

Chúng ta đã thiết lập được một kiểu nhà nước mới, kiểu Xô - Việt, nó tạo khả năng cho quần chúng lao động và bị áp bức có thể tham gia hết sức tích cực và chủ động vào công cuộc xây dựng xã hội mới, nhưng như thế chúng ta chỉ mới giải quyết được một phần nhỏ của một nhiệm vụ khó khăn. Khó khăn chủ yếu là ở trong lĩnh vực kinh tế: thực hiện ở khắp mọi nơi và hết sức nghiêm ngặt sự kiểm kê và kiểm soát việc sản xuất và phân phối sản phẩm, tăng năng suất lao động, *thật sự xã hội hoá sản xuất*⁽³²⁾.

Để thật sự xã hội hoá sản xuất, theo Lênin nhiệm vụ tổ chức và quản lý phải trở thành nhiệm vụ “chủ yếu”, “trung tâm” của nhà nước Xô viết thời điểm đó. “Đây cũng là nhiệm vụ khó khăn nhất của những người Cộng sản sau khi giành được chính quyền” đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì vấn đề là phải tổ chức theo phương thức mới những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống của hàng chục và hàng chục triệu con người.

Tóm lại: Cả Mác - Ăngghen và Lênin đều sử dụng thuật ngữ “xã hội hoá” trong quá trình phân tích phương thức sản xuất của xã hội tư bản. Theo quan niệm mác xít, xã hội hoá là sự phát triển thực sự các mối quan hệ xã hội; là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các nhóm, các thành viên trong xã hội, trên tất cả các lĩnh vực, trước hết là lĩnh vực sản xuất kinh tế, nó thu hút và đòi hỏi sự quan tâm chung sức cùng nhau giải quyết, của tất cả cộng đồng đối với bất kỳ một sự kiện nào đó diễn ra trong đời sống xã hội. Xã hội hoá cũng là sự thiết lập thực sự những quy tắc của cuộc sống tập thể. Xã hội hoá các lĩnh vực của đời sống xã hội

dưới chủ nghĩa tư bản nói riêng và xã hội loài người nói chung là vấn đề hoàn toàn có tính quy luật, và có thể nói đây cũng chính là quá trình lịch sử tự nhiên.

Xu hướng phân công lao động trong nghiên cứu xã hội học về xã hội hoá

Xã hội học so với đa số các môn khoa học xã hội khác ở Việt Nam là tương đối non trẻ. Tuy nhiên, những năm qua nó đã khẳng định được vị thế, vai trò của mình trong hệ thống các khoa học xã hội. Đặc biệt đã đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn của công cuộc đổi mới đất nước. Rất nhiều công trình nghiên cứu của xã hội học kể cả nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm đã được hoàn thành, góp phần không nhỏ vào việc cung cấp thông tin và luận giải có cơ sở khoa học những vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, nghiêm túc nhìn nhận và đánh giá chúng ta nhận thấy sự phát triển của xã hội học thời gian qua là chưa cân đối. Các nghiên cứu xã hội học phần lớn tập trung vào nghiên cứu theo hướng xã hội học thực nghiệm. Còn một hướng nghiên cứu hết sức quan trọng đó là nghiên cứu lý thuyết, thì gần như chưa được sự quan tâm và đầu tư thích đáng. Có thể coi đây là một khiếm khuyết lớn của xã hội học thời gian qua, cần phải được các tổ chức và những người làm xã hội học lưu tâm khắc phục. Trước yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước và những đòi hỏi của chính bản thân để tồn tại và phát triển, chắc chắn xu hướng tới xã hội học sẽ phát triển mạnh và đều cả 2 lĩnh vực, xã hội học lý thuyết và xã hội học thực nghiệm.

Trong xã hội học, nội dung xã hội hoá thuộc phạm vi xã hội học đại cương. Khái niệm xã hội hoá dù được hiểu theo nghĩa nào cũng luôn là một khái niệm cơ bản của xã hội học. Thuật ngữ “xã hội hoá” hiện nay được xuất hiện thường xuyên trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trong các văn bản hành chính của Nhà nước. Xã hội hoá các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, quan điểm đó đã đi vào cuộc sống và trở thành phương châm hành động của tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị. Nó là một trong những tiêu chí không thể thiếu để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tất cả các tổ chức.

Thực tiễn nêu trên đã đặt ra cho xã hội học những xu hướng phân công lao động mới trong nghiên cứu xã hội học về xã hội hoá.

Xu hướng thứ nhất, xu hướng tiếp tục nghiên cứu và phát triển khái niệm xã hội hoá (cá nhân).

Xu hướng thứ hai, xu hướng nghiên cứu và phát triển khái niệm xã hội hoá (xã hội) (xã hội hoá các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội).

Xu hướng thứ ba, xu hướng nghiên cứu, tổng kết thực tiễn công tác xã hội hoá các lĩnh vực của đời sống xã hội như: Văn hoá, giáo dục, y tế từ đó bổ sung vào lý luận xã hội hoá. Xu hướng này sẽ phát triển mạnh nhất.

Xu hướng thứ tư, có sự phân công rõ ràng hơn về mặt nội dung, trong giảng dạy chuyên đề về xã hội hoá (trong phân xã hội học đại cương), sẽ có nội dung giảng dạy về xã hội hoá (cá nhân) và nội dung giảng dạy về xã hội hoá (xã hội), trong quá trình giảng dạy.

Chú thích

1. Trong “*Giáo dục học*”, M, 1968 của N.I. Bololyrew, N. K. Gontcharow, B. P. Fessipow, F.F. Koroliow và “*Những cơ sở chung của giáo dục học*” (F.F.Kovoliow, W. J. Gmurman, 11. 1967)
2. G. Endrweit und G. Trommsdorff: *Worterbuch der Soziologie*. Dtv/Enke, 1989, Tr. 604.
3. F. W. Kron: *Grundwissen Padagogik*. Ernst Reinhardt Verlag Munchen Basel G. 1994, Tr.84.
4. B. G Ananhep: “*Con người như đối tượng của nhận thức*”. NXB. Đại học Lenin, 1969. Bản tiếng Nga
5. Nguyễn Khắc Viện. *Từ điển tâm lý*. NXB. Văn hoá thông tin, Hà nội, 2001, Tr. 414.
6. Joseph H. Fichter. Sđ d. Tr.27.
7. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng. *Xã hội học*. NXB. Giáo dục. Hà Nội. 1999. Tr. 257.
8. Phạm Tất Dong- Lê Ngọc Hùng. Sđd. Tr. 254.
9. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng. Sđd. Tr. 258.
10. Nguyễn Khắc Viện. Sđd. Tr. 333.
11. Chung Á - Nguyễn Đình Tấn. *Nghiên cứu xã hội học*. NXB. Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1997. Tr. 58.
12. Phạm Xuân Hào. *Xã hội học Quân sự*. NXB. Quân đội nhân dân. 2000. Tr. 120.
13. Phan Trọng Ngọ. *Xã hội học đại cương*. NXB. Chính trị quốc gia. Hà Nội. 1997. Tr. 167.
14. Vũ Minh Tâm. Sđd. Tr. 89.
15. Gunter Endrweit và Gisela Trommsdorff. *Từ điển xã hội học*. NXB Thế giới. Hà Nội. 2002. Tr.571.
16. Stanislaw Kowalski. *Xã hội học giáo dục và giáo dục học*. NXB. Đại học quốc gia. Thành phố Hồ Chí Minh. 2003. Tr. 475.
17. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng. Sđd. Tr. 259.
18. Joseph H. Fichter. *Xã hội học*. NXB. Hiện đại thư xã. Sài gòn. 1973. Tr.27.
19. Tony Bilton. *Nhập môn xã hội học*. NXB Khoa học xã hội. Hà nội. 1993. Tr. 27.
20. Phan Trọng Ngọ. *Xã hội học đại cương*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1997. Tr. 167.
21. Guter Endrweit. *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*. Nxb. Thế giới. Hà Nội. 1999. Tr. 132.
22. Trần Thị Kim Xuyên. *Nhập môn xã hội học*. Nxb. Đại học Quốc gia. Hà Nội. 2002. Tr. 194.
23. Macionis. Sđd. Tr.183.
24. Mác - Ănggen. *Tuyển tập*. Tập 3. NXB. Sự thật. 1983. “*Xu hướng lịch sử của tích lũy tư bản chủ nghĩa*”. Tr. 592.
25. Mác - Ănggen. *Tuyển tập*. Tập 5. Nxb. Sự thật. 1983. Phần thứ 3 – Chủ nghĩa xã hội - II Lý luận”. Tr.613.
26. Mác- Ănggen. *Tuyển tập*. Tập 5. Nxb. Sự thật. Hà Nội. 1983. “ II- Lý luận”. Tr. 379.
27. Mác- Ănggen. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Nxb. Sự thật. Hà Nội. 1976. Tr. 49.
28. Mác -Ănggen. *Tuyển tập*. Tập 5. Nxb. Sự thật. Hà nội. 1983. Tr. 437.
29. V.I Lê-nin. *Toàn tập. Tập I. Những người bạn dân*. (1894). Nxb. Tiến bộ - Matxcova. 1974. Tr.211.
30. V. I Lê-nin. *Toàn tập. Tập I. Những người bạn dân* (1894). Nxb. Tiến bộ- Matxcova. 1974. Tr. 213.
31. V. I Lê- nin. *Toàn tập. Tập I. Bàn về cái gọi là vấn đề thị trường*. (1893). Nxb. Tiến bộ- Matxcova. 1974. Tr. 114.
32. V. I Lê- nin. *Toàn tập. Tập 36. Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô Viết* (1918). Nxb. Tiến bộ Matxcova. 1978. Tr. 208.

